TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN THUỶ NGUYÊN** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 91/2019/HNGĐ-ST Ngày 19 - 6 - 2019 V/v ly hôn, xác định con cho cha, tranh chấp về nuôi con	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THỦY NGUYÊN, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Quốc Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phạm Văn Sóng

Bà Ngô Thị Thu Hà

- ***Thư ký phiên toà:*** Bà Trần Thị Bích Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thủy Nguyên

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thuỷ Nguyên tham gia phiên toà*:** Bà Đồng Thị Yến - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2019, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Thuỷ Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 877/2018/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 12 năm 2019 về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 97/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị L sinh năm 1997; địa chỉ: Thôn 3, xã K, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Bùi Đức T sinh năm 1998; địa chỉ: Thôn 11, xã Ngũ Lão, huyện Thuỷ Nguyên, thành phố Hải Phòng; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Chị Nguyễn Thị L là nguyên đơn trình bày ý kiến: Chị và anh Bùi Đức T quen biết, phát sinh tình cảm rồi đi đến hôn nhân tự nguyện. Năm 2015, chị và anh T được hai bên gia đình tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương, nhưng không đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Sau cưới, chị và anh T về chung sống với nhau tại thôn 11, xã N, huyện T, thành phố Hải Phòng. Cuộc sống chung hòa thuận hành phúc đến tháng 6 năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình vợ chồng không hòa hợp, bất đồng quan điểm trong cuộc sống, anh T mải chơi dẫn đến vợ chồng xảy ra cãi mắng, xúc phạm nhau. Chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở tại thôn 3, xã K, huyện T. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay chị đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh Bùi Đức

T. Chị và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Huy T sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015. Do chị và anh T không đăng ký kết hôn nên khi khai sinh cho con vẫn để trống phần họ tên cha trong giấy khai sinh của con. Từ khi vợ chồng sống ly thân, anh T là người trực tiếp nuôi dưỡng con. Thời kỳ đầu chị đến thăm con nhưng bị anh T và gia đình ngăn cản. Thời gian gần đây thì chị không bị ngăn cản khi thăm con nữa. Trước phiên tòa, chị và anh đã thỏa thuận về việc để cho anh T trực tiếp nuôi con và không được cản trở việc chị đến thăm, gặp và đưa con đi chơi. Việc cấp dưỡng sẽ do chị và anh T tự thỏa thuận. Giữa chị và anh T không có tài sản chung nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Bùi Đức T là bị đơn trình bày: Anh và chị Nguyễn Thị L có tình cảm với nhau và được hai bên gia đình đồng ý tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và về chung sống với nhau từ năm 2015 nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Vợ chồng chung sống đến giữa năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, chị L đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở, anh và chị L sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay, chị L xin ly hôn, quan điểm của anh là đồng ý ly hôn. Về con chung: Anh đề nghị Tòa án xác định cháu Nguyễn Huy Tùng sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 là con đẻ của anh. Khi ly hôn, anh và chị L đã thỏa thuận về việc để cho anh trực tiếp nuôi con, anh nhận trực tiếp nuôi con và không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con. Anh và chị L không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên toà, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng như sau: Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã tiến hành giải quyết vụ án theo đúng trình tự thủ tục do pháp luật quy định; nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 71 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, Điều 72 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án, Kiểm sát viên đề nghị Tòa án: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Đức T; xác định cháu Nguyễn Huy Tùng sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 là con đẻ của anh Bùi Đức T; giao con chung cho anh Bùi Đức T được trực tiếp nuôi dưỡng; người không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Tại Kết luận giám định số 34/2019/GĐSH ngày 26/4/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự - Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận anh Bùi Đức T là bố đẻ của cháu Nguyễn Huy Tùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị L với anh Bùi Đức T

Chị L và anh T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, tự tổ chức cuộc sống chung và coi nhau là vợ chồng nhưng không đăng ký kết hôn mặc dù đã đủ các điều kiện để đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình. Cách tổ chức cuộc sống như vậy giữa chị L và anh T được coi là chung sống như vợ chồng. Do

vậy, quan hệ sống chung này không được công nhận là vợ chồng theo khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình. Việc chị L yêu cầu ly hôn với anh T, Hội đồng xét xử sẽ không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị L và anh T.

[2] Về yêu cầu xác định con cho cha của anh Bùi Đức T

Lời trình bày của chị L và anh T đều thống nhất cháu Nguyễn Huy Tùng do chị L sinh ra vào ngày 28 tháng 10 năm 2015 là con đẻ của anh Bùi Đức T. Tại Kết luận giám định số 34/2019/GĐSH ngày 26/4/2019 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an thành phố Hải Phòng đã kết luận anh Bùi Đức T là bố đẻ của cháu Nguyễn Huy T. Do đó, Hội đồng xét xử xác định cháu Nguyễn Huy T là con đẻ của anh Bùi Đức T.

[3] Về người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn và nghĩa vụ cấp dưỡmg cho con

Chị L và anh T có 01 con chung tên Nguyễn Huy T sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015. Khi ly hôn, chị L và anh T đều có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Tuy nhiên để giao con chung cho ai nuôi thì cần phải xem xét mọi mặt và đảm bào quyền lợi của con chưa thành niên. Xét thấy, từ khi sống ly thân đến nay, anh T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Hiện nay con chung vẫn phát triển bình thường về tâm sinh lý, được anh T đảm bảo mọi mặt đầy đủ. Anh T có công việc và thu nhập để thực hiện việc nuôi dưỡng con chung. Chị L và anh T cũng đã thỏa thuận để anh T trực tiếp nuôi con chung. Vì vậy, giao con chung cho anh T được trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, Điều 82 và Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình. Chị L không trực tiếp nuôi con có quyền và nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cấp dưỡng cho con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con. Anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng cho con. Xét đề nghị của anh T là tự nguyện, quyền lợi của con chung vẫn được đảm bảo nên Hội đồng xét xử không buộc chị L phải cấp dưỡng cho con.

[4] Về tài sản chung, chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Đức T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết trong vụ án này.

[5] Về án phí, căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Thị L phải chịu án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Anh Bùi Đức T phải chịu án phí về yêu cầu xác định con cho cha.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 88, Điều 89 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng

dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 - 12 - 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Nguyễn Thị L và anh Bùi Đức T.

- Xác đinh cháu Nguyễn Huy T sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 là con đẻ của anh Bùi Đức T.

- Giao cho anh Bùi Đức T trực tiếp nuôi dưỡng con chung là Nguyễn Huy Tùng sinh ngày 28 tháng 10 năm 2015 đến khi con thành niên và có khả năng lao động, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Chị Nguyễn Thị L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp (ghi tại biên lai thu số 0000188 ngày 24/12/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thủy Nguyên), chị Nguyễn Thị L đã nộp đủ án phí.

- Anh Bùi Đức T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về xác định con cho cha.

- Chị Nguyễn Thị L, anh Bùi Đức T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014 .

Nơi nhận:
- TAND, VKSND TP. Hải Phòng;
- VKSND H.Thủy Nguyên;
- Chi cục THADS H. Thủy Nguyên;
- Đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Quốc Phương